

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA VIỆC THỰC HÀNH KINH TẾ TUẦN HOÀN TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH

ĐOÀN THỰC QUYÊN*

Ngày nhận: 28/2/2024

Ngày phản biện: 8/3/2024

Ngày duyệt đăng: 18/3/2024

Tóm tắt: Nghiên cứu được tiến hành với mục đích đánh giá hiệu quả kinh tế của việc tham gia vào thực hành sản xuất nông nghiệp tuần hoàn trên địa bàn tỉnh Nam Định. Nghiên cứu thống kê các dấu hiệu kinh tế tuần hoàn và tiến hành khảo sát các đơn vị sản xuất nông nghiệp phân chia theo 03 lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản trên địa bàn tỉnh về mức độ tham gia cũng như hiệu quả kinh tế thu được từ các hoạt động tuần hoàn đó. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc thực hành kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giúp các đơn vị sản xuất tiết kiệm được chi phí, tăng doanh thu và lợi nhuận ở nhiều khía cạnh. Nghiên cứu cũng tìm hiểu một số vấn đề tồn đọng và đề xuất một số giải pháp để thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh tốt hơn.

Từ khóa: Hiệu quả kinh tế; nông nghiệp tuần hoàn; kinh tế tuần hoàn.

EVALUATE THE ECONOMIC EFFECTIVENESS OF PRACTICING CIRCULAR ECONOMY IN AGRICULTURAL PRODUCTION IN NAM DINH PROVINCE

Abstract: The study aimed to assess the economic efficacy of engaging in circular methods of farming in Nam Dinh province. The study conducted statistical research to identify indicators of circular economy and survey manufacturing facilities in the province to determine their level of engagement and the economic efficiency achieved through circular activities. Research findings indicate that using circular economy principles in agricultural production within the province yields cost savings, revenue growth, and enhanced profitability across several areas of production units. The study additionally investigates unresolved issues and presents potential solutions to enhance the promotion of the circular economy in the province.

Keywords: Economic effectiveness; circular agriculture; circular economy.

1. Giới thiệu

Kinh tế tuần hoàn là một khái niệm không còn quá mới mẻ ở thời điểm hiện nay, khái niệm kinh tế tuần hoàn được sử dụng chính thức đầu tiên bởi Pear and Turner (1990). Nó được dùng để chỉ mô hình kinh tế dựa trên nguyên lý cơ bản “mọi thứ đều là đầu vào đối với thứ khác”, hoàn toàn không giống với cách nhìn của nền kinh tế tuyến tính truyền thống. Nếu như, nền kinh tế tuyến tính vận hành như một dòng chảy, biến các nguồn tài nguyên thiên nhiên thành các vật liệu và sản phẩm cơ bản rồi bán ra thông qua một loạt những bước tạo thêm giá trị gia tăng, theo xu hướng bán được càng nhiều càng tốt, dẫn tới sự hoang phí khi sử dụng các nguồn tài nguyên trong thị trường thường đã bão hòa, thì kinh tế tuần hoàn là một hệ thống công nghiệp phục hồi hoặc tái tạo theo ý định và thiết kế. Nó chuyển sang sử dụng năng lượng tái tạo, loại bỏ việc sử dụng các hóa chất độc hại và chất thải gây suy giảm khả năng

tái sử dụng thông qua thiết kế ưu việt của vật liệu, sản phẩm, hệ thống và trong phạm vi này, là các mô hình kinh doanh. Hay nói một cách đơn giản kinh tế tuần hoàn là biến rác thải đầu ra của ngành này thành nguồn tài nguyên đầu vào của ngành khác hay tuần hoàn trong nội tại bản thân của một doanh nghiệp. Kinh tế tuần hoàn một phần góp phần gia tăng giá trị cho doanh nghiệp, giảm khai thác tài nguyên, giảm chi phí xử lý chất thải, giảm thiểu ô nhiễm môi trường [20].

Tuy vậy, mỗi khu vực với từng ngành khác nhau lại có cách thức thực hành kinh tế tuần hoàn theo nhiều cách khác nhau..

Trong lĩnh vực nông nghiệp, áp dụng kinh tế tuần hoàn vào sản xuất nông nghiệp được hiểu là “Sản xuất nông nghiệp theo hướng tiết kiệm nguyên vật liệu đầu vào của quá trình sản xuất nông nghiệp,

* Trường Đại học Công đoàn

kéo dài tuổi đời của các phế phẩm, phụ phẩm của quá trình sản xuất nông nghiệp và xử lý tối đa các rác thải đầu ra của quá trình sản xuất nông nghiệp”. Quy trình thực hiện mô hình kinh tế tuần hoàn sẽ hướng vào việc kết hợp các phương thức canh tác theo hướng thâm canh, xen canh, thay đổi giống cây/con giống,... để tiết kiệm các nguồn lực đất, nước và các nguồn lực khác cho quá trình sản xuất. Bên cạnh đó, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào công tác chế tạo các sản phẩm mới như phân bón hữu cơ,... từ phế phẩm, phụ phẩm, rác thải của các khâu của quá trình sản xuất.

Việc áp dụng kinh tế tuần hoàn đem lại lợi ích về nhiều mặt như môi trường, xã hội đặc biệt là về mặt kinh tế. Đánh giá về hiệu quả kinh tế thu được từ việc thực hành kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp có thể xem xét trên nhiều khía cạnh, tuy nhiên, có ba chỉ tiêu kinh tế chính cần tập trung đánh giá, đó là chi phí, doanh thu và lợi nhuận, để thấy được kinh tế tuần hoàn giúp các đơn vị sản xuất nông nghiệp tuần hoàn tăng được bao nhiêu phần trăm về doanh thu, lợi nhuận hoặc tiết kiệm được bao nhiêu phần trăm về chi phí.

Công thức đánh giá mức độ hiệu quả kinh tế

Công thức 1:

$$\text{Mức tiết kiệm CP} = \frac{\text{CP trước khi thực hành KTTH} - \text{CP khi thực hành KTTH}}{\text{CP trước khi thực hành KTTH}}$$

Công thức 2:

$$\text{Mức tăng DT} = \frac{\text{DT khi thực hành KTTH} - \text{DT trước khi thực hành KTTH}}{\text{DT trước khi thực hành KTTH}}$$

Công thức 3:

$$\text{Mức tăng LN} = \frac{\text{LN khi thực hành KTTH} - \text{LN trước khi thực hành KTTH}}{\text{LN trước khi thực hành KTTH}}$$

Sản xuất nông nghiệp được coi là thế mạnh của Việt Nam và nhiều tỉnh thành ở Việt Nam, trong đó tỉnh Nam Định được đánh giá có ngành nông nghiệp là ngành mũi nhọn của tỉnh. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp lại được coi là lĩnh vực tiêu tốn nhiều tài nguyên thiên nhiên và ảnh hưởng tới môi trường ở nhiều góc độ.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong bài viết là phương pháp thống kê mô tả. Dữ liệu khảo sát

lấy từ phỏng vấn trực tiếp 150 đơn vị sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định. Nội dung phỏng vấn: Các dấu hiệu về việc sản xuất nông nghiệp theo định hướng tuần hoàn tại đơn vị và hiệu quả kinh tế về mặt doanh thu, chi phí của hoạt động đó là tăng bao nhiêu phần trăm doanh thu, lợi nhuận hoặc tiết kiệm được bao nhiêu phần trăm chi phí.

3. Kết quả nghiên cứu

Dựa trên kết quả nghiên cứu thực tế, một số dữ liệu liên quan đến các dấu hiệu tuần hoàn và mức độ hiệu quả kinh tế của hoạt động đó được thống kê ở các bảng dưới đây. Trong thực tế, có những nội dung sẽ đạt hiệu quả về kinh tế ở góc độ tiết kiệm chi phí theo công thức 1, có những nội dung lại đạt hiệu quả kinh tế ở góc độ tăng doanh thu theo công thức 2 hoặc tăng lợi nhuận theo công thức 3. Hoặc là một nội dung lại đạt hiệu quả ở nhiều hơn một khía cạnh nhưng đa phần khảo sát thực tế cho thấy một hoạt động đa phần chỉ đánh giá được một khía cạnh. Cụ thể được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1. Đánh giá về mặt hiệu quả kinh tế đối với lĩnh vực trồng trọt

STT	Nội dung	Đối tượng tác động	Tiết kiệm chi phí/ Tăng doanh thu/ Tăng lợi nhuận
NVL đầu vào			
1	Canh tác cánh đồng mẫu lớn	Đất	Giảm 28.3% chi phí canh tác so với đơn lẻ
2	Cải tạo đất trước theo phương pháp sinh học	Đất	Giảm 11.2% chi phí liên quan cải tạo đất
3	Trồng xen canh, luân canh	Đất, nước, dinh dưỡng	Tiết kiệm 42% chi phí so với trồng đơn lẻ
4	Hệ thống tưới nước tiết kiệm	Nước	Tiết kiệm 12.5%
5	Chọn giống cây phù hợp	Giống cây	Doanh thu tăng gấp 4 trồng lúa
6	Chuyển sang giống cây đặc sản	Giống cây	Doanh thu tăng 12-14%
7	Nhập giống cây nước ngoài	Giống cây	Doanh thu tăng 32%
8	Cơ giới hóa	Quy trình SX	Tiết kiệm 21.5% chi phí
9	Hệ thống tưới nước tiết kiệm	Nước	Tiết kiệm 12.5%
10	Sử dụng sản phẩm hữu cơ (thuốc trừ sâu, trừ cỏ)	Hạn chế độc hại	Chiếm 36% giá trị
11	Phân bón là sản phẩm hữu cơ	Phân bón	Giảm 23% chi phí
Phế phụ phẩm			
1	Ủ trực tiếp thành phân hữu cơ	phế phụ phẩm + men	Giảm chi phí phân bón 1.7%
2	Kết hợp với phân chuồng chế tạo phân hữu cơ	Phế phụ phẩm + phân chuồng	Đóng góp giảm chi phí cho hoạt động chăn nuôi 23%
3	Sử dụng trồng nấm	Rơm	Tăng doanh thu 5%
4	Đệm lót sinh học	Phế phụ phẩm	Giảm chi phí cho hoạt động chăn nuôi 1.2%
5	Thức ăn chăn nuôi	Phế phụ phẩm	Giảm chi phí cho hoạt động chăn nuôi 17%
Rác thải			
	Thu gom tập trung rác thải rắn	Rác thải rắn	Giảm được 60% rác thải rắn ra môi trường
	Năng lượng tái tạo và sinh khối	Xác cây chết, vỏ cây,...	Tiết kiệm được khoảng 4.2% chi phí sản xuất chung

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ khảo sát)

Ngoài những điểm đã đạt được nói chung kể trên như canh tác theo đồn điền đổi thửa, trồng nấm từ

rom, phế phụ phẩm làm đệm lót sinh học,...các đơn vị sản xuất trồng trọt trong tỉnh đã đặc biệt đạt được sự tiến bộ ở một số điểm như:

Thứ nhất, các đơn vị đã lựa chọn các giống cây mới năng suất cao trên vùng đất cũ hoặc chuyển đổi sang giống cây mới có hiệu suất tốt hơn.

Thứ hai, dưới sự chỉ đạo và hỗ trợ của tỉnh việc mở rộng và nhân rộng các mô hình tái chế rơm và các phế phẩm nông nghiệp đang được đẩy mạnh ở nhiều khu vực.

Đối với lĩnh vực chăn nuôi:

Bảng 2. Đánh giá về mặt hiệu quả kinh tế đối với lĩnh vực chăn nuôi

STT	Nội dung	Đối tượng tác động	Tiết kiệm chi phí/ Tăng doanh thu/ Tăng lợi nhuận
NVL đầu vào			
1.	Tổ chức chăn nuôi trên cánh đồng mẫu lớn	Đất	Giảm 37.3 chi phí chăn nuôi so với đơn lẻ
2	Tiết kiệm chi phí giống nhờ tái đàn	Giống con	Giảm 14.5% chi phí liên quan con giống
3	Cơ giới hóa	Quy trình SX	Tiết kiệm chi phí SX liên quan 23.5%
4	Phế phụ phẩm từ khâu khắc trong đơn vị	Thức ăn	Tiết kiệm 14.7% chi phí thức ăn chăn nuôi
5	Chuyển đổi cây trồng	Thức ăn	Tiết kiệm 9.3% chi phí thức ăn chăn nuôi
Phế phụ phẩm			
1	Ủ phân từ đệm lót sinh học	Phân bón cho trồng trọt	Giảm chi phí phân bón cho trồng trọt 24%
Rác thải			
1	Ủ trực tiếp phân thành phân bón	Phân	Tiết kiệm được khoảng 18% chi phí phân bón
2	Hầm biogas	Phân chuồng	Tiết kiệm chi phí mua gas
3	Bể lắng tách chất thải kết hợp biogas nhà ủ phân	Phân	Tăng doanh thu trung bình 2.7%
4	Máy ép điện sinh học, máy ép phân	Phân	Tăng doanh thu trung bình 5%
5	Nuôi giun quế bằng phân lợn	Phân	Tăng lợi nhuận khoảng 7%

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ khảo sát)

Ngoài những điểm tồn tại chung như các mô hình chưa được nhân rộng, nguồn kinh phí được chi để xử lý phế phụ phẩm và rác thải còn thấp,... thì việc phát triển SXNN theo MHKTTH trong lĩnh vực chăn nuôi cần đặc biệt điều chỉnh về 2 nội dung: thứ nhất là nguồn cung về thức ăn cho chăn nuôi từ các vùng trồng trọt chưa ổn định và đồng bộ và thứ hai là việc mô hình Vietgap chưa được nhân rộng.

Đối với lĩnh vực thủy sản:

Ngoài những điểm tồn tại chung như khả năng tiết kiệm, khả năng xử lý rác thải còn hạn chế thì đặc

Bảng 3. Đánh giá về mặt hiệu quả kinh tế đối với lĩnh vực thủy sản

STT	Nội dung	Đối tượng tác động	Tiết kiệm chi phí/ Tăng doanh thu/ Tăng lợi nhuận
NVL đầu vào			
1.	Cơ sở hạ tầng xây dựng thành hệ thống	Nước	Giảm 22% chi phí nước và dẫn nước
2	Quy hoạch vùng nuôi	Nước	Giảm 2.9% chi phí chăm sóc
3	Liên doanh liên kết	Chi phí tiêu thụ	Tiết kiệm được 35% chi phí bán hàng
4	Chia nhỏ ao nuôi	Rủi ro	Giảm rủi ro 30% doanh thu
5	Lọc nước tuần hoàn	Nguồn nước	Tiết kiệm 30.6%
6	Nuôi quảng canh, thâm canh	Sản phẩm	Tăng 18.6% lợi nhuận so với chăn nuôi
7	Sản phẩm đặc sản của địa phương	Sản phẩm	Tăng 36.2% lợi nhuận
8	Công nghệ trong chăn nuôi	Sản xuất	Tiết kiệm 38.4%
Rác thải			
1	Thu gom rác thải rắn		
2	Sử dụng hệ thống lọc nước	Nguồn nước	Tiết kiệm chi phí nuôi 26%

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ khảo sát)

biệt trong lĩnh vực thủy sản của tỉnh có: thứ nhất, nguồn nước thiếu sự ổn định, rủi ro vật nuôi bị chết hoặc phát triển chưa ổn định vẫn khá là cao. Thứ hai, hình thức canh tác hiện tại còn mất nhiều công sức và chi phí trong việc theo dõi và xử lý nguồn nước. Bên cạnh đó, thứ ba, rác thải nhựa từ quá trình sản xuất thủy sản là một vấn đề cực kì cấp thiết vì nó hàng ngày gây ô nhiễm nguồn nước một cách trực tiếp.

4. Kết luận và khuyến nghị

Việc thực hành kinh tế tuần hoàn diễn ra ở nhiều góc độ và thực sự mang lại hiệu quả kinh tế cho các đơn vị thực hành, cần tiếp tục phát huy tốt hơn nữa. Thông qua phỏng vấn sâu, nghiên cứu đã tìm thấy một số rào cản và đưa ra các giải pháp như sau:

- Giải quyết vấn đề dẫn đến đổi thửa do qui hoạch thiếu hợp lí từ trước: ngừng cấp đất theo hướng tự phát thiếu tầm nhìn dài hạn cho SXNN như trước đây, gắn liền nông nghiệp với phát triển tổng thể nền kinh tế của tỉnh và kiên định với chính sách đất đai mới.

- Giải quyết vấn đề nguồn nhân lực còn yếu và còn thiếu: ngoài việc tổ chức các chương trình đào tạo và tập huấn cho người nông dân, cần hỗ trợ và thu hút nhân tài, có chính sách ưu tiên cho con em

trong vùng quay trở về làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp sẽ được ưu tiên bố trí việc làm, ưu tiên cấp đất,... Bên cạnh đó, để lan rộng được những kinh nghiệm của những người trực tiếp tham gia sản xuất thì cần xây dựng các hội nhóm có quản lý của cơ quan có thẩm quyền, tổ chức các buổi chia sẻ kinh nghiệm để các đơn vị sản xuất cùng nhau giao lưu, trao đổi và trao đổi kiến thức, tiến tới sản xuất theo mô hình hợp tác xã lớn và liên kết rộng.

- Giải quyết vấn đề xây dựng nền tảng để ứng dụng công nghệ trong việc sử dụng giống lai tạo hay giống nhập về, tỉnh cần hỗ trợ toàn diện cho các đơn vị sản xuất mới tham gia về các khía cạnh như: nguồn vốn để thiết kế nên hệ thống cơ sở hạ tầng, hỗ trợ liên hệ với các chuyên gia và các đơn vị sản xuất khác cùng chia sẻ kinh nghiệm và bám sát, nâng đỡ, hỗ trợ các đơn vị sản xuất mới trong ít nhất một đến hai mùa vụ và toàn bộ chi phí đầu tư ban đầu được hỗ trợ một phần từ ngân sách, các quỹ tương hỗ và bù đắp bằng một phần lợi nhuận thu được từ các mùa vụ theo hình thức trả góp.

- Giải quyết vấn đề nguồn nhân lực sản xuất không phát sinh sự yêu thích với mô hình kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp: bước đầu tiên là phân tích, giải thích cho các đối tượng tham gia sản xuất về những giá trị hữu hình và vô hình mà mô hình này mang lại, bước thứ hai là tăng cường các chính sách hỗ trợ cho các đơn vị tham gia và hạn chế các hỗ trợ về mặt tài chính, con giống,... cho các đơn vị không tham gia, bước thứ ba là khuyến khích phong trào sử dụng sản phẩm hữu cơ thông qua tuyên truyền đối với người tiêu dùng để gián tiếp ảnh hưởng đến thị trường tiêu thụ của các đơn vị sản xuất truyền thống. Dần dần khiến cho các đơn vị sản xuất sẽ tham gia lớn hơn.

- Để giải quyết vấn đề khó xử lý triệt để nguồn rác thải, phế phẩm phụ phẩm, hướng tới phát thải ròng bằng 0 thì cần học hỏi các công nghệ mới trên thế giới, kêu gọi nguồn lực tài trợ từ các tổ chức phi lợi nhuận, ví dụ như nguồn tiền được tài trợ khi đạt chứng chỉ các-bon,... bố trí nguồn ngân sách của tỉnh, kêu gọi tài trợ từ phía trung ương,... kêu gọi nguồn lực trong dân chúng như xây dựng các chương trình xử lý rác thải với sự tham gia tình nguyện của đội thanh niên xung phong, bộ đội, học sinh, sinh viên,... để tiết kiệm chi phí nhân công. Tỉnh cũng nên khuyến khích việc đầu tư thành lập các đơn vị xử lý chế phẩm, phụ phẩm và rác thải trên địa bàn tỉnh, nhiều chế độ ưu đãi cho các đơn vị kinh doanh các lĩnh vực này như ưu tiên cấp đất, ưu tiên vay vốn, sử dụng một phần ngân sách để hỗ trợ dự

án,... Ngoài ra, tỉnh cũng cần có chế tài xử phạt mạnh tay đối với những đơn vị không thực hành đúng những định hướng đã đề ra trong việc xử lý rác thải để đánh vào ý thức của những người trực tiếp tham gia sản xuất.

- Để giải quyết vấn đề về quy trình thủ tục việc hỗ trợ vốn vay còn hạn chế, vì người vay vốn chưa có kinh nghiệm trong việc chủ động chuẩn bị các giấy tờ thủ tục cần thiết thì cần xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn quy trình, thủ tục giấy tờ chi tiết trong việc vay vốn để tiết kiệm thời gian cho cả các đơn vị sản xuất và ngân hàng. Bên cạnh đó, do ngân sách của tỉnh còn hạn hẹp, không thể giải quyết cho tất cả các nguyện vọng từ phía các đơn vị sản xuất cùng một lúc nhưng có thể bố trí ngân sách theo tiến độ hoặc lần lượt hỗ trợ các hộ theo thứ tự ưu tiên một cách có kế hoạch, điều đó giúp chính các hộ cũng chủ động hơn trong việc lập kế hoạch sản xuất cho chính mình.

- Để giải quyết vấn đề cạnh tranh từ các đơn vị sản xuất truyền thống do giá rẻ (vì chi phí rẻ) thì cần tăng cường năng lực cạnh tranh cho các đơn vị SXNN theo mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua việc giảm chi phí cho các đơn vị này (thông qua hỗ trợ kinh phí từ phía tỉnh), giảm thuế, giảm chi phí thuê đất,... và khuyến khích các đơn vị sản xuất có thể chấp nhận giảm mức lợi nhuận xuống để có thể đưa ra giá cả cạnh tranh hơn, hi sinh lợi ích trước mắt là lợi nhuận ở hiện tại để hướng tới các giá trị bền vững ở tương lai. □

Tài liệu tham khảo

1. Caputo, P., Ferrari, S., Zagarella, F.(2020). Urban Renovation: An Opportunity For Economic Development, Environmental Improvement, and Social Redemption BT - Regeneration of the Built Environment from a Circular Economy Perspective, Springer International Publishing, Cham, pp. 125–135. https://doi.org/10.1007/978-3-030-33256-3_13.
2. Chen, S., Brahma, S., Mackay, J., Cao, C., Aliakbarian, B. (2020). The role of smart packaging system in food supply chain. J. Food Sci. 85, 517–525. <https://doi.org/10.1111/1750-3841.15046>.
3. Chertow, M.R.(2007). Uncovering" industrial symbiosis. J. Ind. Ecol. 11, 11–30. <https://doi.org/10.1162/jiec.2007.1110>.
4. European Commission. (2015). Closing the loop - An EU action plan for the circular
5. Gravagnuolo, A., Angrisano, M., Girard, L.F. (2019). Circular economy strategies in eight historic port cities: criteria and indicators towards a circular city assessment framework. Sustainability11. <https://doi.org/10.3390/su11133512>.
6. Jouan, J., Ridier, A., Carof, M.(2020). SYNERGY: a regional bio-economic model analyzing farm-to-farm exchanges and legume production to enhance agricultural sustainability. Ecol. Econ. 175, 106688 <https://doi.org/10.1016/j.ecolecon.2020.106688>.

(Xem tiếp trang 50)

trong đó có công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn, đồng thời nhằm ngăn chặn tình trạng tín dụng đen, cho vay nặng lãi làm ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống công nhân, cũng như kịp thời những ứng phó khi rủi ro, khó khăn đột xuất của công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn.

- Cần xây dựng lại Điều lệ Quỹ Xã hội từ thiện Tấm lòng vàng, theo hướng là quỹ xã hội, để mở rộng đối tượng hưởng thụ, mức trợ cấp hoặc cho vay ưu đãi dành cho đối tượng là công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn.

(iii) Xây dựng quỹ “Hỗ trợ công nhân” theo mô hình của Quỹ hỗ trợ xoá đói, giảm nghèo, do Nhà nước thành lập, nên giao cho Công đoàn thường trực để quản lý, trong đó mở rộng đối tượng vay, ưu tiên cho công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn được vay để chữa bệnh, cho con học, để đóng bảo hiểm cho bản thân và con của họ.

(iv) Đổi mới hình thức đóng các quỹ từ thiện, quỹ xã hội, chú trọng cả 2 hình thức đóng góp chính như: (1) Đóng góp vật chất để chăm lo đời sống: Hình thức này thường dễ nhận thấy nhất và thường được thực hiện thông qua đóng góp vào các quỹ, chương trình, dự án nâng cao đời sống công nhân lao động

có hoàn cảnh khó khăn, có thể là đóng góp bằng tiền mặt, các loại hàng hóa (thực phẩm, quần áo, thuốc men...), các loại trang thiết bị sinh hoạt... (2) Đóng góp phi vật chất như: Chăm lo ổn định việc làm, chăm sóc sức khỏe cho bản thân và gia đình, chia sẻ khó khăn.

(v) Huy động nguồn lực bền vững đảm bảo đáp ứng một cách đầy đủ các nhu cầu của hiện tại đồng thời luôn tính đến khả năng đáp ứng tốt nhu cầu của các hoạt động trong tương lai của các quỹ từ thiện, quỹ xã hội. Tăng cường vận động tài trợ từ các tổ chức chính trị - xã hội, tôn giáo, phi chính phủ, hội nghề nghiệp, và các tổ chức khác; tài trợ từ doanh nghiệp; tài trợ cá nhân. □

Tài liệu tham khảo

1. Hội thảo khoa học Quốc tế, *Chính sách an sinh xã hội đối với lao động di cư ở Việt Nam*, NXB Kinh tế quốc dân, 2023.
2. Hội thảo khoa học Quốc tế, *Công tác xã hội với lao động tại khu công nghiệp, khu chế xuất trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, NXB Kinh tế quốc dân, 2023.
3. PGS.TS. Bùi Văn Huyền, TS. Nguyễn Ngọc Toàn, PGS.TS. Đinh Thị Nga (Đồng chủ biên), (2020), *Mô hình an sinh xã hội Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ...

(Tiếp theo trang 60)

7. Kyriakopoulos, G.L., Kapsalis, V.C., Aravossis, K.G., Zamparas, M., Mitsikas, A.(2019). Evaluating circular economy under a multi-parametric approach: a technological review. *Sustainability*11, 1-24. <https://doi.org/10.3390/su11216139>.
8. Lu, T., Halog, A.(2020). Towards better life cycle assessment and circular economy: on recent studies on interrelationships among environmental sustainability, food systems and diet. *Int. J. Sustainability Dev. World Ecol.* 1-9. <https://doi.org/10.1080/13504509.2020.1734984>.
9. MacArthur, E. (2013). Towards the circular economy volume 1. Ellen MacArthur Foundation. <https://doi.org/10.1162/108819806775545321>.
10. Oliver, T.H., Heard, M.S., Isaac, N.J.B., Roy, D.B., Procter, D., Eigenbrod, F., Freckleton, R., Hector, A., Orme, C.D.L., Petchey, O.L., Proença, V., Raffaelli, D., Suttle, K.B., Mace, G.M., Martín-López, B., Woodcock, B.A., Bullock, J.M.(2015). Biodiversity and resilience of ecosystem functions. *Trends Ecol. Evol.* 30, 673-684. <https://doi.org/10.1016/j.tree.2015.08.009>.
11. Paiho, S., Mäki, E., Wessberg, N., Paavola, M., Tuominen, P., Antikainen, M., Heikkilä, J., Rozado, C.A., Jung, N.(2020). Towards

circular cities--conceptualizing core aspects. *Sustainability Cities Soc.* 59, 102143 <https://doi.org/10.1016/j.scs.2020.102143>.

12. Santagata, R., Ripa, M., Genovese, A., Ulgiati, S.(2020). Food waste recovery pathways: challenges and opportunities for an emerging bio-based circular economy. A systematic review and an assessment. *J. Clean. Prod.* 125490 <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2020.125490>.
13. Zarbà, C., Chinnici, G., D'Amico, M., 2020. Novel food: the impact of innovation on the paths of the traditional food chain. *Sustainability*12. <https://doi.org/10.3390/su12020555>.

Tài liệu online

14. <http://baonamdinh.vn/channel/5104/201811/nhieu-giai-phap-ky-thuat-cai-tao-nguon-nuoc-trong-nuoi-thuy-san-2527663/>
15. <http://www.baonamdinh.vn/channel/5085/202112/tiep-tuc-co-cau-lai-trong-trot-de-phat-trien-ben-vung-2548154/>
16. <https://baonamdinh.vn/channel/5085/202105/phat-trien-vung-nuoi-thuy-san-tap-trung-2544163/>
17. <https://baovemoitruong.org.vn/nam-dinh-phat-trien-nong-nghiep-huu-co/>
18. <https://baovemoitruong.org.vn/nam-dinh-phat-trien-nong-nghiep-huu-co/>
19. <https://cokhitrauvang.com/bai-viet/phu-pham-nong-nghiep/>
20. <https://iced.org.vn/khai-niem-kinh-te-tuan-hoan/>
21. <https://nongnghiep.vn/mo-hinh-lua-ca-tang-thu-nhap-cho-nong-dan-d324883.html>